ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG LĨNH

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG ĐƯỜNG THỐNG NHẤT
PHƯỜNG ĐỨC THUẬN, THỊ XÃ HỒNG LĨNH, HÀ TĨNH

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

TỶ LỆ : 1/500

B

GHI CHÚ :

- RANH GIỚI KHU ĐẤT
  CÓ DIỆN TÍCH : 46.147,36 M2
- TỔNG SỐ LÔ ĐẤT: 148 LÔ
- DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT LỚN NHẤT: 360,9 M2
- DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT NHỎ NHẤT: 144,0 M2
- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ TÍNH BẰNG MÉT

ĐẤT Ở LIỀN KỀ — ĐẤT DV THƯƠNG MẠI — ĐẤT GIAO THÔNG — ĐẤT CÔNG CỘNG + CÂY XANH

BẢNG CHỈ TIÊU CÂN ĐỐI ĐẤT

TT	LOẠI ĐẤT SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT Ở	28.448,5	61,6
2	ĐẤT GIAO THÔNG	12.998,36	28,2
3	ĐẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI	4.700,5	10,2
4	TỔNG	46.147,36	100

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CHIA LÔ

KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	TT	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2)	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M2)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)
OLK1	1	283,5	159,0	56	05	2,8
	2	174,1	121,0	70	05	3,4
	3	171,8	120,0	70	05	3,5
	4	169,4	118,0	70	05	3,4
	5	167,0	116,0	70	05	3,4
	6	164,7	115,0	70	05	3,5
	7	162,3	113,0	70	05	3,4
	8	181,4	126,0	70	05	3,4
	9	192,0	134,0	70	05	3,4
	10	160,0	112,0	70	05	3,5
	11	160,0	112,0	70	05	3,5
	12	160,0	112,0	70	05	3,5
	13	160,0	112,0	70	05	3,5
	14	160,0	112,0	70	05	3,5
	15	160,0	112,0	70	05	3,5
	16	292,0	164,0	56	05	2,8
OLK2	17	259,2	171,0	65	05	3,2
	18	181,6	127,0	70	05	3,4
	19	178,9	125,0	70	05	3,4
	20	176,2	123,0	70	05	3,4
	21	173,4	121,0	70	05	3,4
	22	170,7	119,0	70	05	3,4
	23	168,0	117,0	70	05	3,4
	24	165,2	115,0	70	05	3,4
	25	162,5	113,0	70	05	3,4
	26	151,8	106,0	70	05	3,4
	27	152,0	106,0	70	05	3,4
	28	160,0	112,0	70	05	3,5
	29	160,0	112,0	70	05	3,5
	30	160,0	112,0	70	05	3,5
	31	160,0	112,0	70	05	3,5
	32	160,0	112,0	70	05	3,5
	33	160,0	112,0	70	05	3,5
	34	160,0	112,0	70	05	3,5
	35	160,0	112,0	70	05	2,5
	36	277,9	166,0	60	05	2,9
OBT1	37	339,9	203,0	60	03	1,8
	38	333,5	200,0	60	03	1,8
	39	333,5	200,0	60	03	1,8
	40	333,5	200,0	60	03	1,8
	41	333,5	200,0	60	03	1,8
	42	325,5	195,0	60	03	1,8
	43	325,5	195,0	60	03	1,8
	44	333,5	200,0	60	03	1,8
	45	333,5	200,0	60	03	1,8
	46	333,5	200,0	60	03	1,8
	47	333,5	200,0	60	03	1,8
	48	360,9	216,0	60	03	1,8
OBT2	49	371,5	222,0	60	03	1,8
	50	373,6	224,0	60	03	1,8
	51	341,5	204,0	60	03	1,8
	52	309,3	185,0	60	03	1,8
	53	277,1	166,0	60	03	1,8
	54	251,3	150,0	60	03	1,8
	55	315,0	189,0	60	03	1,8
	56	304,0	182,0	60	03	1,8
	57	304,0	182,0	60	03	1,8
	58	304,0	182,0	60	03	1,8
	59	304,0	182,0	60	03	1,8
	60	277,0	166,0	60	03	1,8
OLK3	61	152,0	106,0	70	05	3,4
	62	160,0	112,0	70	05	3,5
	63	160,0	112,0	70	05	3,5
	64	160,0	112,0	70	05	3,5
	65	160,0	112,0	70	05	3,5
	66	160,0	112,0	70	05	3,5
	67	160,0	112,0	70	05	3,5
	68	160,0	112,0	70	05	3,5
	69	160,0	112,0	70	05	3,5
	70	160,0	112,0	70	05	3,5
	71	160,0	112,0	70	05	3,5
	72	152,0	106,0	70	05	3,4
	73	144,0	100,0	70	05	3,4
	74	152,0	106,0	70	05	3,4
	75	152,0	106,0	70	05	3,4
	76	152,0	106,0	70	05	3,4
	77	152,2	106,0	70	05	3,4
	78	152,9	107,0	70	05	3,4
	79	153,6	107,0	70	05	3,4
	80	154,3	108,0	70	05	3,4
	81	155,1	108,0	70	05	3,4
	82	155,8	109,0	70	05	3,4
	83	156,5	109,0	70	05	3,4
	84	149,2	104,0	70	05	3,4
OLK4	85	144,0	100,0	70	05	3,4
	86	152,0	106,0	70	05	3,4
	87	152,0	106,0	70	05	3,4
	88	152,0	106,0	70	05	3,4
	89	152,0	106,0	70	05	3,4
	90	152,0	106,0	70	05	3,4
	91	153,1	107,0	70	05	3,4
	92	154,6	108,0	70	05	3,4
	93	156,1	109,0	70	05	3,4
	94	157,6	110,0	70	05	3,4
	95	151,1	105,0	70	05	3,4
	96	152,0	106,0	70	05	3,4
	97	160,0	112,0	70	05	2,5
	98	160,0	112,0	70	05	3,5
	99	160,0	112,0	70	05	3,5
	100	160,0	112,0	70	05	3,5
	101	160,0	112,0	70	05	3,5
	102	160,0	112,0	70	05	3,5
	103	160,0	112,0	70	05	3,5
	104	160,0	112,0	70	05	3,5
	105	160,0	112,0	70	05	3,5
	106	152,0	106,0	70	05	3,4
OLK5	107	154,3	108,0	70	05	3,4
	108	163,8	114,0	70	05	3,4
	109	165,3	115,0	70	05	3,4
	110	166,8	116,0	70	05	3,4
	111	167,7	117,0	70	05	3,4
	112	167,4	117,0	70	05	3,4
	113	167,0	116,0	70	05	3,4
	114	166,6	116,0	70	05	3,4
	115	166,3	116,0	70	05	3,4
	116	157,9	110,0	70	05	3,4
	117	152,0	106,0	70	05	3,4
	118	160,0	112,0	70	05	3,5
	119	160,0	112,0	70	05	3,5
	120	160,0	112,0	70	05	3,5
	121	160,0	112,0	70	05	3,5
	122	160,0	112,0	70	05	3,5
	123	160,0	112,0	70	05	3,5
	124	160,0	112,0	70	05	3,5
	125	160,0	112,0	70	05	3,5
	126	152,0	106,0	70	05	3,4
OLK6	127	249,8	174,0	70	05	3,4
	128	164,5	115,0	70	05	3,4
	129	164,2	114,0	70	05	3,4
	130	163,8	114,0	70	05	3,4
	131	163,9	114,0	70	05	3,4
	132	164,4	115,0	70	05	3,4
	133	164,9	115,0	70	05	3,4
	134	165,5	115,0	70	05	3,4
	135	166,0	116,0	70	05	3,4
	136	166,5	116,0	70	05	3,4
	137	251,0	175,0	70	05	3,4
	138	233,1	163,0	70	05	3,4
	139	160,0	112,0	70	05	3,5
	140	160,0	112,0	70	05	3,5
	141	160,0	112,0	70	05	3,5
	142	160,0	112,0	70	05	3,5
	143	160,0	112,0	70	05	3,5
	144	160,0	112,0	70	05	3,5
	145	160,0	112,0	70	05	3,5
	146	160,0	112,0	70	05	3,5
	147	160,0	112,0	70	05	3,5
	148	242,0	169,0	70	05	3,4
DVTM	149	4.700,5	2.116,0	45	05	2,2
TRUNG BÌNH		222,4	142,0	67,0	04	3,1

TỶ LỆ XÍCH

0M 5M 10M 20M 50M

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

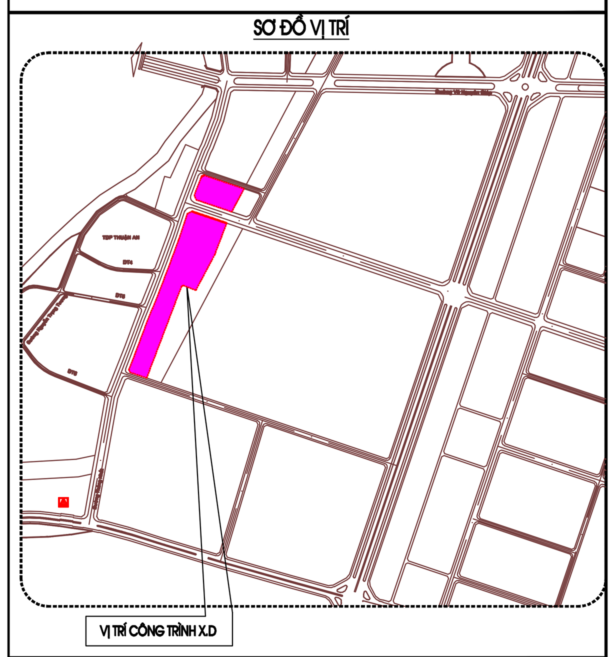

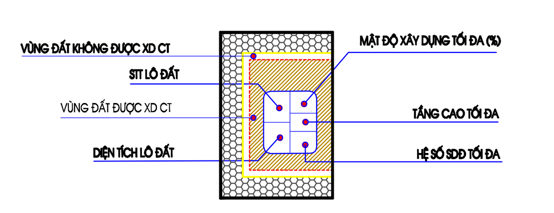

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
UBND THỊ XÃ HỒNG LĨNH — CHỦ TỊCH
TRẦN QUANG TUẤN
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: .... NGÀY ...../....../2019

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ HỒNG LĨNH — TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN VIỆT HÙNG
KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: .... NGÀY ...../....../2019

CƠ QUAN THỎA THUẬN
UBND PHƯỜNG ĐỨC THUẬN — CHỦ TỊCH
KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: .... NGÀY ...../....../2019

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ HỒNG LĨNH — GIÁM ĐỐC
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: .... NGÀY ...../....../2019

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM :

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG ĐƯỜNG THỐNG NHẤT
PHƯỜNG ĐỨC THUẬN, THỊ XÃ HỒNG LĨNH, HÀ TĨNH

ĐỊA ĐIỂM : PHƯỜNG ĐỨC THUẬN, THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

TÊN BẢN VẼ :
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ : QH - 06	GHÉP : 2 X A0	HT: 3/2019
CHỦ TRÌ	KTS. VŨ TỰ TRƯỜNG	
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM KIÊN CƯỜNG	
KIỂM	KS. PHAN ĐÌNH ANH	

GIÁM ĐỐC:
KS. NGUYỄN XUÂN HOÀI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL
ĐỊA CHỈ : SỐ 17 NGÕ 59 ĐƯỜNG TRẦN PHÚ - TX. HỒNG LĨNH - HÀ TĨNH
MOBILE: 0918 668 588; EMAIL: GLOBAL8588@GMAIL.COM